

TÔNG HỢP CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CUỐI HỌC KÌ 1
Năm học 2024 - 2025

	Tổng số	Chia ra				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I. Tổng số HS	567	113	104	107	117	126
II. Học sinh học 2 buổi/ngày	567	113	104	107	117	126
III. Đánh giá học sinh	567	113	104	107	117	126
Tổng số HS xếp loại các môn học	567	113	104	107	117	126
1. Toán	567	113	104	107	117	126
Chia ra: - Hoàn thành tốt	387	100	80	66	64	77
- Hoàn thành	171	13	24	41	48	45
- Chưa hoàn thành	9	0	0	0	5	4
2. Tiếng Việt	567	113	104	107	117	126
Chia ra: - Hoàn thành tốt	347	90	79	68	56	54
- Hoàn thành	207	20	24	39	60	64
- Chưa hoàn thành	13	3	1	0	1	8
3.Khoa học	243	0	0	0	117	126
Chia ra: - Hoàn thành tốt	132				56	76
- Hoàn thành	103				55	48
- Chưa hoàn thành	8				6	2
4.Lịch sử & Địa lý	243	0	0	0	117	126
Chia ra: - Hoàn thành tốt	112				49	63
- Hoàn thành	123				61	62
- Chưa hoàn thành	8				7	1
5. Ngoại ngữ	567	113	104	107	117	126
Chia ra: - Hoàn thành tốt	350	76	81	44	66	83
- Hoàn thành	217	37	23	63	51	43
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
6. Hoạt động trải nghiệm	567	113	104	107	117	126
Chia ra: - Hoàn thành tốt	339	75	68	65	63	68
- Hoàn thành	228	38	36	42	54	58
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0		0
7. Đạo đức	567	113	104	107	117	126
Chia ra: - Hoàn thành tốt	399	90	79	75	79	76
- Hoàn thành	168	23	25	32	38	50
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0		0
8. Tự nhiên và Xã hội	324	113	104	107	0	0
Chia ra: - Hoàn thành tốt	220	86	69	65		
- Hoàn thành	104	27	35	42		
- Chưa hoàn thành	0	0		0		

9.Âm nhạc- NT ÂN	567	113	104	107	117	126
Chia ra: - Hoàn thành tốt	297	68	47	52	55	75
- Hoàn thành	270	45	57	55	62	51
- Chưa hoàn thành	0		0	0		0
10.Mĩ thuật- NT MT	567	113	104	107	117	126
Chia ra: - Hoàn thành tốt	291	69	47	52	52	71
- Hoàn thành	276	44	57	55	65	55
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0		
11.Tin học và Công nghệ (Công n	350	0	0	107	117	126
Chia ra: - Hoàn thành tốt	264			87	78	99
- Hoàn thành	82			20	35	27
- Chưa hoàn thành	4			0	4	0
12.Tin học và Công nghệ (Tin học	350	0	0	107	117	126
Chia ra: - Hoàn thành tốt	231			72	72	87
- Hoàn thành	119			35	45	39
- Chưa hoàn thành	0			0		0
13. GDTC	567	113	104	107	117	126
Chia ra: - Hoàn thành tốt	326	82	47	56	74	67
- Hoàn thành	241	31	57	51	43	59
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0		0
Năng lực cốt lõi (TT27/2020)						
1.Năng lực chung (TT27/2020)						
* Tự chủ&tự học	567	113	104	107	117	126
Tốt	360	84	69	67	71	69
Đạt	187	26	34	40	38	49
Cần cố gắng	20	3	1	0	8	8
* Giao tiếp & hợp tác	567	113	104	107	117	126
Tốt	378	93	73	73	63	76
Đạt	184	19	30	34	51	50
Cần cố gắng	5	1	1	0	3	0
*Giải quyết vấn đề &sáng tạo	567	113	104	107	117	126
Tốt	363	87	77	72	65	62
Đạt	191	23	26	35	48	59
Cần cố gắng	13	3	1	0	4	5
2.Năng lực đặc thù (TT27/2020)						
*Ngôn ngữ	567	113	104	107	117	126
Tốt	359	85	68	62	64	80
Đạt	200	27	35	45	49	44
Cần cố gắng	8	1	1	0	4	2
*Tính toán	567	113	104	107	117	126
Tốt	349	89	68	63	64	65
Đạt	211	24	35	44	49	59
Cần cố gắng	7	0	1	0	4	2

*Khoa học	567	113	104	107	117	126
Tốt	370	95	71	60	68	76
Đạt	188	17	32	47	42	50
Cần cố gắng	9	1	1	0	7	
*Thẩm mĩ	567	113	104	107	117	126
Tốt	359	96	70	61	64	68
Đạt	204	17	33	46	50	58
Cần cố gắng	4		1	0	3	0
*Thể chất	567	113	104	107	117	126
Tốt	383	99	70	61	62	91
Đạt	180	14	33	46	52	35
Cần cố gắng	4		1	0	3	0
* Công nghệ	350	0	0	107	117	126
Tốt	204			64	66	74
Đạt	140			43	45	52
Cần cố gắng	6			0	6	0
*Tin học	350	0	0	107	117	126
Tốt	196			63	62	71
Đạt	151			44	52	55
Cần cố gắng	3			0	3	0
Phẩm chất chủ yếu (TT27/2020)						
1. Yêu nước	567	113	104	107	117	126
Tốt	444	108	78	70	77	111
Đạt	119	5	25	37	37	15
Cần cố gắng	4		1	0	3	0
2.Nhân ái	567	113	104	107	117	126
Tốt	434	106	77	72	76	103
Đạt	129	7	26	35	38	23
Cần cố gắng	4		1	0	3	0
3.Chăm chỉ	567	113	104	107	117	126
Tốt	389	92	76	74	76	71
Đạt	167	21	27	33	38	48
Cần cố gắng	11		1	0	3	7
4.Trung thực	567	113	103	107	117	126
Tốt	414	109	77	74	73	81
Đạt	149	4	26	33	41	45
Cần cố gắng	4		1	0	3	
5.Trách nhiệm	567	113	104	107	117	126
Tốt	404	100	81	74	75	74
Đạt	159	13	22	33	39	52
Cần cố gắng	4		1	0	3	
IV. HS.K.Tật ĐG	6	3	0	2	1	
V. HS.K.Tật không ĐG						

<i>VI. Học sinh bỏ học</i>						
----------------------------	--	--	--	--	--	--

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Xâm

